TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 05/2020/LĐ-PT
Ngày : 18/5/2020
v/v đơn phương chấm dứt HĐ lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo.

Các thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

2. Bà Trần Thị Lê Na.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thanh phố Hà Nội:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 03/2020/TLPT–LĐ ngày 10/1/2020 về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Do bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/LĐ-ST ngày 28/9/2019 của Tòa án nhân dân quận H.K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2020/QĐXX-PT ngày 24/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông N.T.P, sinh năm 1986.

ĐKNKTT: Tổ 38, phường Đ.K, quận H.M, Thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số 583/25/4, Vũ Tông Phan, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ngân Hàng thương mại TNHH MTV D.K.T.C.

Trụ sở: Số 109 phố T.H.Đ, phường T.H.Đ, quận H.K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Huy Thông là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân Hàng thương mại TNHH MTV D.K.T.C).

Ông Lê Vũ Quân, chức vụ: Phó Giám đốc GPBank – Chi nhánh Thăng Long kiêm Giám đốc GPBank – Phòng giao dịch Đông Đô là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 113/2017/UQ-TGĐ ngày 20/12/2017)

Ông Trần Thanh Hải, chức vụ: Phó giám đốc GPBank - Phòng giao dịch Trung Tâm Đông Đô là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. (Giấy ủy quyền số 156A/2017/UQ-PDD ngày 20/12/2017). (Có mặt).

Bà Lê Thanh Nga, chức vụ: Trưởng phòng Pháp chế và Tuân thủ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền số 44/2019/UQ-TGĐ ngày 26/9/2019). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Ngày 22/4/2011, Ngân hàng TM TNHH Một thành viên D.K.T.C (Tên cũ: Ngân hàng TMCP D.K.T.C) có Quyết định số 1138/2011/QĐ-TGĐ về việc tiếp nhận nhân viên mới ông N.T.P công tác tại Phòng giao dịch Trung tâm – Phòng giao dịch GP.Bank Đông Đô, vị trí công việc: nhân viên khách hàng có hiệu lực từ ngày 04/5/2011.

Ngày 05/9/2012, ông N.T.P và Ngân hàng TM TNHH Một thành viên D.K.T.C ký Hợp đồng lao động số 039/2012/HĐLĐ/GPB-ĐĐ, loại Hợp đồng 12 tháng từ ngày 05/9/2012 đến 04/9/2013, chức danh chuyên môn nhân viên ngân hàng.

Ngày 05/9/2014, ông N.T.P và Ngân hàng TM TNHH Một thành viên D.K.T.C ký Hợp đồng lao động số 032/2014/HĐLĐ/GPB-TLO-DD, loại Hợp đồng không xác định thời hạn; chức danh chuyên môn nhân viên Ngân hàng, Phòng giao dịch GP.Bank Giáp Bát; mức lương chính 2.900.000 đồng.

Ngày 30/11/2015, Giám đốc Ngân hàng TM TNHH Một thành viên D.K.T.C – Phòng giao dịch trung tâm – PGD GPBank Đông Đô có Quyết định số 123/2015/QĐ-DGP về việc điều động ông N.T.P nhân viên khách hàng Phòng giao dịch GP.Bank Giáp Bát đảm nhận vị trí nhân viên khách hàng Phòng giao dịch GP.Bank L.Tkể từ ngày 01/12/2015.

Trong quá trình làm việc, ngày 17/12/2015, ông P gửi Đơn xin nghỉ phép những ngày phép còn lại trong năm 2015 và bắt đầu nghỉ từ ngày 18/12/2015. Đến ngày 24/12/2015, ông P nhận được điện thoại từ cán bộ Phòng hành chính báo cho ông biết là Đơn xin nghỉ phép của ông không được chấp nhận. Sau khi nhận được

thông báo, ngày 25/12/2015 ông đã quay trở lại làm việc, nhưng ông không được giao việc và không được nhận lương. Ông đã nhiều lần yêu cầu Ngân hàng trả lương nhưng Ngân hàng không trả. Do Ngân hàng không giao việc, không trả lương cho ông nên kể từ ngày 03/02/2016 ông nghỉ hẳn không đến Ngân hàng làm việc nữa mà ông chỉ đến Ngân hàng để giải quyết tranh chấp.

Ông N.T.P làm đơn khởi kiện Ngân hàng về việc Ngân hàng đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông. Ông không yêu cầu Ngân hàng nhận ông trở lại làm việc. Ông yêu cầu Ngân hàng phải thanh toán quyền lợi cho ông do Ngân hàng đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông, gồm các khoản sau:

Lương từ tháng 01/2016 đến tháng 06/2019: 7.750.000 x 41 tháng = 153.750.000 đồng.

Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (22% mức lương cơ bản): 823.900 x 41 tháng = 33.779.900 đồng.

Lương từ ngày 17/12/2015 đến 31/12/2015 và lương những ngày nghỉ phép hưởng lương trong năm 2015 là 01 tháng = 5.300.000 đồng.

Thưởng tết dương lịch 2016: 2.000.000 đồng.

Hỗ trợ đi lại Tết âm lịch 2016: 2.000.000 đồng

Lì xì đầu năm 2016: 500.000 đồng.

Đền bù thoả thuận đôi bên (ít nhất 02 tháng tiền lương): 5.300.000đồng x 02 tháng = 10.600.000 đồng.

Tổng cộng: 207.929.900 đồng (Hai trăm linh bảy triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm đồng).

Bị đơn Ngân hàng thương mại TNHH MTV D.K.T.C cho rằng ông P là người tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động. Ngân hàng không đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động và cũng không có thông báo hay quyết định về việc cho ông P nghỉ việc. Ngày 17/12/2015, ông P nộp Đơn xin nghỉ phép năm 2015 nhưng chưa được sự đồng ý của Lãnh đạo Ngân hàng mà ông P đã tự ý nghỉ việc từ ngày 18/12/2015 đến ngày 24/12/2015. Sau khi được cán bộ Ngân hàng báo cho ông P biết việc Đơn xin nghỉ phép của ông không được chấp nhận thì ngày 25/12/2015, ông P tiếp tục quay trở lại làm việc. Tuy nhiên, theo bảng chấm công tại Phòng giao dịch L.Tthể hiện trong tháng 12 có chấm công 10 ngày (trong đó có 05 ngày nghỉ từ ngày 18/12/2015 đến ngày 24/12/2015 Đơn nghỉ phép không được phê duyệt. Còn 05 ngày từ ngày 25/12/2015 đến ngày 31/12/2015 tự ý nghỉ không báo cáo). Tháng 01/2016, ông P có chấm công vân tay nhưng thực tế không có mặt tại nơi làm việc, không báo cáo với người quản lý trực tiếp về việc trong ngày ông P đi đâu làm gì và kết quả công việc được giao. Từ ngày 03/2/2016, ông P nghỉ hẳn không đến Ngân hàng làm việc. Khi nghỉ ông P không báo lại cho người quản lý

trực tiếp và lãnh đạo của Ngân hàng biết lý do ông P nghỉ. Ông P tự ý nghỉ việc khi Ngân hàng chưa ra bất cứ một quyết định kỷ luật hay sa thải gì đối với ông P được coi là ông P đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật.

Ngân hàng đồng ý chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông P. Xác nhận chốt sổ bảo hiểm, trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông P và đồng ý thanh toán cho ông P khoản tiền là 8.253.059 đồng, bao gồm: Tiền trợ cấp thôi việc là 1.212.527đồng; tiền phép còn lại của năm 2015 là 2.540.532 đồng; tiền hỗ trợ chi phí đi lại, Tết âm lịch, lì xì đầu năm 2016 là 4.500.000 đồng.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 28/9/2019 của Tòa án nhân dân quận H.K đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.T.P đối với Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D.K.T.C về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật và bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D.K.T.C hỗ trợ cho ông N.T.P số tiền 8.253.059 đồng (tám triệu hai trăm năm mươi ba ngàn, không trăm năm chín đồng), trong đó:

Tiền trợ cấp thôi việc mà Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D.K.T.C phải trả cho ông N.T.P là: 1.212.527 đồng.

Tiền hỗ trợ chi phí đi lại, Tết âm lịch, tiền Lì xì đầu năm 2016, tiền phép năm 2015 cho ông N.T.P là: 7.040.532 đồng.

3. Buộc Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D.K.T.C phải chốt sổ bảo hiểm và trả sổ bảo hiểm cho ông N.T.P.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2019, nguyên đơn ông N.T.P có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Ông P đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D.K.T.C đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội không có mặt tại phiên tòa.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 04/8/2016, ông N.T.P làm đơn khởi kiện Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C có trụ sở tại số 109, phố T.H.Đ, quận H.K, Hà Nội. Quan hệ pháp luật xác định là tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Trước khi khởi kiện ra Tòa án, việc tranh chấp giữa ông N.T.P và Ngân hàng TM TNHH Một thành viên D.K.T.C đã được Hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải không thành. Căn cứ vào Điều 32 khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận H.K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ngày 28/9/2019, Tòa án nhân dân quận H.K xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 10/10/2019, nguyên đơn ông N.T.P đã nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và đã nộp tiền tạm ứng án phí lao động phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nộ vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về phạm vi xét xử phúc thẩm, đơn kháng cáo của nguyên đơn ông N.T.P đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 28/9/2019 của Tòa án nhân dân quận H.K.

[3] Về quan hệ lao động: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về quan hệ lao động giữa ông N.T.P và Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C như sau: Ngày 05/9/2014, ông N.T.P và Ngân hàng TM TNHH Một thành viên D.K.T.C ký Hợp đồng lao động số 032/2014/HĐLĐ/GPB-TLO-DD, loại Hợp đồng không xác định thời hạn; chức danh chuyên môn nhân viên Ngân hàng. Như vậy, quan hệ lao động giữa ông N.T.P và Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C được xác lập là Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Về công việc và lương, ông P làm việc vị trí nhân viên quan hệ khách hàng tại Phòng giao dịch L.Ttrực thuộc Phòng giao dịch Trung tâm Đông Đô – Chi nhánh Thăng Long.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quá trình làm việc của ông N.T.P, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận sự thật khách quan như sau: Ngày 17/12/2015, ông P có gửi Đơn xin nghỉ phép số ngày phép còn lại trong năm 2015 và bắt đầu nghỉ từ ngày 18/12/2015 đến hết ngày 24/12/2015 (7 ngày). Ông P tiếp tục đi làm từ ngày 25/12/2015 cho đến hết ngày 02/02/2016. Kể từ ngày 03/02/2016, ông P chính thức không đi làm tại Ngân hàng với lý do Ngân hàng không giao việc, không trả lương cho ông. Ngân hàng trả kỳ

lương cuối cùng cho ông P là ngày 15/12/2015 với nội dung tạm ứng lương tháng 12/2015 số tiền 2.500.000 đồng.

Về đơn nghỉ phép của ông P, nguyên đơn và bị đơn đều không xuất trình được. Căn cứ vào lời khai của hai bên và người làm chứng đều xác nhận ngày 17/12/2015, ông P có làm đơn xin nghỉ phép đã được chấp nhận của bà Nguyễn Thị Thu Hà, chức vụ: Phó phòng giao dịch L.T(người quản lý trực tiếp) nhưng chưa được Giám đốc Phòng giao dịch Trung tâm Đông Đô ký duyệt đồng ý cho cán bộ nghỉ. Như vậy, ông P nghỉ việc từ ngày 18/12/2015 đến hết ngày 24/12/2015 (7 ngày) được xác định là hành vi nghỉ việc không được sự chấp thuận đúng quy định của người có thẩm quyền vi phạm nội quy lao động quy định tại Điều 18 khoản 18.1 Nội quy lao động Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C. Đối chiếu với quy định của khoản 31.4 Điều 31 Nội quy lao động, ông P có thể bị áp dụng hình thức sử lý kỷ luật sa thải. Tuy nhiên, người sử dụng lao động Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C không tiến hành các thủ tục xử lý kỷ luật người lao động nhưng áp dụng biện pháp trừng phạt không trả lương, không giao việc cho ông P bắt đầu từ ngày 16/12/2017. Ông P quay trở lại làm việc từ ngày 25/12/2015 đến ngày 02/2/2016. Ngày 03/2/2016, ông P nghỉ việc tại Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C. Hội đồng xét xử nhận thấy, người sử dụng lao động Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C không tiến hành xử lý kỷ luật ông P, không ra văn bản chấm dứt hợp đồng lao động với ông Phường và vẫn có văn bản Chi tiết chấm công đối với cán bộ N.T.P từ 24/12/2015 đến ngày 02/2/2016. Như vậy, ông N.T.P nghỉ việc từ ngày 03/2/2016 được xác định là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Bộ luật lao động năm 2012 nhưng vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc buộc nguyên đơn phải thanh toán một khoản tiền bồi thường do vi phạm quy định về thời gian báo trước nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định ông N.T.P là người đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nên không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông N.T.P cho rằng Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật gồm:

Lương từ tháng 02/2016 đến tháng 06/2019 với mức lương 7.750.000 đồng.

Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (22% mức lương cơ bản): 823.900 x 41 tháng = 33.779.900 đồng.

Đền bù thoả thuận đôi bên (ít nhất 02 tháng tiền lương): 5.300.000 đồng x 02 tháng = 10.600.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu thanh toán 1/2 tiền lương tháng 12/2015, lương tháng 01/2016 và các chế độ khác của người lao động, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C và ông N.T.P đều xác nhận ông N.T.P đi làm lại từ ngày 25/12/2015 đến ngày 02/2/2016 không được nhận lương. Ngân hàng không trả lương cho ông P với lý do từ ngày 25/12/2015 đến ngày 02/02/2016, ông P chỉ đến chấm vân tay, sau đó bỏ đi chỗ khác, không có mặt tại nơi làm việc không gặp người quản lý trực tiếp của mình báo cáo công việc ngày hôm nay đi làm gì, ở đâu, với khách hàng nào và đến cuối giờ phải báo cáo công việc đã giải quyết trong ngày cho người quản lý trực tiếp biết theo Nội quy lao động của Ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng xác định ông P có hành vi vi phạm kỷ luật lao động nhưng không có biên bản xác định hành vi vi phạm cũng như quyết định xử lý kỷ luật người lao động để đưa hình thức xử lý vi phạm kỷ luật theo Nội quy lao động của Ngân hàng và Bộ luật lao động mà thực hiện biện pháp trừng phạt không trả tiền lương cho người lao động là hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P buộc Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C phải thanh toán tiền lương đối với thời gian ông P làm việc từ ngày 25/12/2015 đến ngày 02/02/2016.

Về mức lương, căn cứ Bảng thanh toán lương cán bộ nhân viên – GP.Bank Đông Đô lương tháng của ông P là 5.186.959 đồng được trả làm 02 kỳ: tạm ứng ký I số tiền 2.500.000 đồng; số tiền lương kỳ II là 2.686.959 đồng. Tháng 12/2015, ngày 15/12/2015 ông P đã nhận tạm ứng lương tháng 12/2015 số tiền 2.500.000 đồng. Do đó, Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C phải thanh toán số tiền lương còn thiếu cho ông P gồm:

Lương kỳ II tháng 12/2015 số tiền 2.686.959 đồng.

Lương tháng 01/2016 số tiền 5.186.959 đồng.

Bên cạnh tiền lương, ông N.T.P còn được nhận một số quyền lợi của người lao động khác như giải trình của Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C gồm:

Tiền phép còn lại của năm 2015 (11 ngày) là 2.540.532 đồng.

Hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ Tết âm lịch, lì xì đầu năm 2016 là 4.500.000 đồng.

Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C phải chốt sổ bảo hiểm đến thời điểm hết tháng 01/2016 và trả lại sổ bảo hiểm cho ông N.T.P.

[6] Về trợ cấp thôi việc:

Ông N.T.P làm việc liên tục tại Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C từ ngày 04/5/2011 theo HĐLĐ không xác định thời hạn. Đến tháng 02/2016, ông N.T.P đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ khoản 3 Điều 37 Bộ luật Lao động năm 2012. Đây là trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động thuộc một trong các trường hợp người sử dụng lao động có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012.

Mức hưởng trợ cấp thôi việc: Tiền trợ cấp thôi việc = ½ x Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc x Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian NLĐ đã tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được NSDLĐ chi trả trợ cấp thôi việc. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thời gian công tác của ông N.T.P từ ngày 04/5/2011 cho đến ngày 02/02/2016 gồm 4 năm 8 tháng 28 ngày. Thời gian ông P tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 9/2011 đến tháng 12/2015 là 04 năm 03 tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật lao động xác định thời gian tính trợ cấp thôi việc là 05 tháng 28 ngày làm tròn 06 tháng.

Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc. Căn cứ Bảng thanh toán lương cán bộ nhân viên – GP.Bank Đông Đô lương tháng của ông P là 5.186.959 đồng

Do đó, buộc bị đơn Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C phải thanh toán tiền trợ cấp mất việc làm cho ông N.T.P số tiền cụ thể: (5.186.959 đồng /tháng x 0.5 tháng)/2 = 1.296.739 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn ông P được miễn tiền án phí đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp về Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, đòi tiền trợ cấp mất việc làm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 36; Điều 37; Điều 41; khoản 3 Điều 47; Điều 48 Bộ luật lao động 2012;

Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Điều 32, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Bộ luật lao động;

Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông N.T.P. Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 28/9/2019 của Tòa án nhân dân quận H.K, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.T.P. Buộc Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C thanh toán cho ông N.T.P các khoản tiền gồm:

Lương kỳ II tháng 12/2015 số tiền 2.686.959 đồng.

Lương tháng 01/2016 số tiền 5.186.959 đồng.

Tiền phép còn lại của năm 2015 (11 ngày) là 2.540.532 đồng.

Hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ Tết âm lịch, lì xì đầu năm 2016 là 4.500.000 đồng.

Tiền trợ cấp thôi việc 1.296.739 đồng.

Tổng số tiền Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C thanh toán cho N.T.P là 16.211.189 đồng (mười sáu triệu, hai trăm mười một nghìn, một trăm tám mươi chín đồng).

2. Buộc Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C phải chốt sổ bảo hiểm đến thời điểm hết tháng 01/2016 và trả lại sổ bảo hiểm cho ông N.T.P.

3. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông N.T.P đối với Ngân hàng TM TNHH MTV D.K.T.C gồm:

Yêu cầu thanh toán tiền lương từ tháng 02/2016 đến tháng 06/2019 với mức lương 7.750.000 đồng.

Yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (22% mức lương cơ bản): 823.900 x 41 tháng = 33.779.900 đồng.

Yêu cầu thanh toán tiền đền bù thoả thuận đôi bên (ít nhất 02 tháng tiền lương): 5.300.000 đồng x 02 tháng = 10.600.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Ông N.T.P không phải phải nộp tiền án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm.

Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D.K.T.C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thảo

Nơi nhận:
1. TAND quận H.K;
2. VKSND TP Hà Nội;
3. Các đương sự;
4. Chi cục THA quận H.K;
5. Lưu hồ sơ, VP.